



## DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

### LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ - VPCNCL  
ngày tháng 03 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng/  
of BoA Director)

Tên phòng xét nghiệm: **Phòng xét nghiệm phòng khám đa khoa Bệnh viện Tràng An**

*Medical Testing Laboratory* **Laboratory of Trang An General Clinic Hospital**

Cơ quan chủ quản: **Phòng khám đa khoa Bệnh viện Tràng An**

*Organization:* **Trang An General Clinic Hospital**

Lĩnh vực xét nghiệm: **Hoá sinh, huyết học, vi sinh**

*Field of medical testing:* **Biochemistry, Hematology, Microbiology**

Người phụ trách/ Representative: **BS. CKII Trần Thanh Sơn**

Số hiệu/ Code: **VILAS Med 213**

Hiệu lực công nhận/ Period of Accreditation: /3/2025 đến/to: /3/2030

Địa chỉ/ Address: **52 Hàng Cháo + (32-34) Tôn Đức Thắng, phường Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội**

Địa điểm/Location: **52 Hàng Cháo + (32-34) Tôn Đức Thắng, phường Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội**

Điện thoại/ Tel: **0243.7323668**

Fax: **0243.7323682**

E-mail: **xetnghiem.pkbtva@gmail.com**

Website:

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN  
LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS  
VILAS Med 213

Lĩnh vực xét nghiệm: Hoá sinh  
Discipline of medical testing: Bio-chemistry

| STT<br>No. | Loại mẫu<br>(chất chống đông-nếu có)<br>Type of sample<br>(anticoagulant-if any) | Tên các chỉ tiêu xét nghiệm<br>The name of medical tests                                                         | Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm<br>Principle/ Technical test | Phương pháp xét nghiệm<br>Test method          |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| 1.         | Huyết thanh,<br>Huyết tương<br>(Heparin)<br>Serum, Plasma<br>(Heparin)           | Xác định hàm lượng Glucose<br>Determination of Glucose content                                                   | Đo điểm cuối<br>End point measurement                       | XN-KTQT.HS.05<br>(2024)<br>(Mindray – BS 240E) |
| 2.         |                                                                                  | Xác định hàm lượng Aspartate Aminotransferase (AST)<br>Determination of Aspartate Aminotransferase (AST) content | Động học enzym<br>Enzyme kinetics - UV                      | XN-KTQT.HS.01<br>(2024)<br>(Mindray – BS 240E) |
| 3.         |                                                                                  | Xác định hàm lượng Alanin Aminotransferase (ALT)<br>Determination of Alanin Aminotransferase (ALT) content       | Động học enzym<br>Enzyme kinetics - UV                      | XN-KTQT.HS.02<br>(2024)<br>(Mindray – BS 240E) |
| 4.         |                                                                                  | Xác định hàm lượng Cholesterol toàn phần<br>Determination of total Cholesterol content                           | Đo điểm cuối<br>End point measurement                       | XN-KTQT.HS.06<br>(2024)<br>(Mindray – BS 240E) |
| 5.         |                                                                                  | Xác định hàm lượng Triglycerid<br>Determination of Triglycerid content                                           | Đo điểm cuối<br>End point measurement                       | XN-KTQT.HS.07<br>(2024)<br>(Mindray – BS 240E) |
| 6.         |                                                                                  | Xác định hàm lượng Ure<br>Determination of Urea content                                                          | Động học enzym<br>Enzyme kinetics - UV                      | XN-KTQT.HS.03<br>(2024)<br>(Mindray – BS 240E) |



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN  
LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS  
VILAS Med 213

Lĩnh vực xét nghiệm: **Vi sinh**  
Discipline of medical testing: **Microbiology**

| STT<br>No. | Loại mẫu<br>(chất chống đông-nếu có)<br><i>Type of sample<br/>(anticoagulant-if any)</i> | Tên các chỉ tiêu xét nghiệm<br><i>The name of medical tests</i>                                                    | Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm<br><i>Principle/ Technical test</i>        | Phương pháp xét nghiệm<br><i>Test method</i>    |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| 1.         | <b>Huyết tương (Heparin)</b><br><i>Plasma (Heparin)</i>                                  | Phát hiện giang mai ( <i>Troponema Pallidum</i> )<br><i>Detection of Troponema Pallidum</i>                        | Test nhanh<br><i>Rapid test</i>                                           | XN-KTQT.VS.16 (2024)<br>(Syphilis TP determine) |
| 2.         |                                                                                          | Phát hiện kháng nguyên HbsAg<br><i>Detection of HbsAg</i>                                                          | Miễn dịch bán tự động (Elisa)<br><i>Semi-automatic immunology (Elisa)</i> | XN-KTQT.VS.32 (2024)<br>(Chromate)              |
| 3.         | <b>Phân</b><br><i>Stool</i>                                                              | Soi tươi tìm ký sinh trùng đường ruột (trứng giun sán)<br><i>Detetection of Parasite (worm eggs) by microscopy</i> | Soi tươi<br><i>Microscopy examination</i>                                 | XN-KTQT.VS.10 (2024)                            |

*[Handwritten signature]*

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN  
LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS  
VILAS Med 213

Lĩnh vực xét nghiệm: **Huyết học**  
Discipline of medical testing: **Hematology**

| STT<br>No. | Loại mẫu<br>(chất chống đông-nếu có)<br>Type of sample<br>(anticoagulant-if any) | Tên các chỉ tiêu xét nghiệm<br>The name of medical tests            | Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm<br>Principle/ Technical test | Phương pháp xét nghiệm<br>Test method  |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|----------------------------------------|
| 1.         | <b>Máu toàn phần (EDTA)<br/>Whole blood (EDTA)</b>                               | Đếm số lượng hồng cầu (RBC)<br>Red Blood cell count (RBC)           | Điện trở kháng<br>Impedance Residence                       | XN-QTKT.HH.01<br>(2024)<br>(Celltec G) |
| 2.         |                                                                                  | Đếm số lượng bạch cầu (WBC)<br>White Blood cell count (RBC)         |                                                             | XN-QTKT.HH.04<br>(2024)<br>(Celltec G) |
| 3.         |                                                                                  | Đếm số lượng tiểu cầu (PLT)<br>Platelete count (PLT)                |                                                             | XN-QTKT.HH.03<br>(2024)<br>(Celltec G) |
| 4.         |                                                                                  | Định lượng huyết sắc tố (HGB)<br>Determination of Hemoglobine (HBG) | Đo quang<br>Optical measurement                             | XN-QTKT.HH.02<br>(2024)<br>(Celltec G) |

**Ghi chú/ Note:**

- XN-QTKT: Phương pháp nội bộ của PXN/ Laboratory developed method
- Trường hợp phòng xét nghiệm phòng khám đa khoa bệnh viện Trảng An cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ It is mandatory for the laboratory of Trảng An General Clinic Hospital that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.